

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-PT

Ngày: 16/5/2023

V/v: “Tranh chấp Đòi di sản thừa kế và
Chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các thẩm phán:

Ông Trần Bình Đảo

Ông Vũ Thế Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp đòi di sản thừa kế và chia di sản thừa kế*”

Do bản án sơ thẩm số: 57/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Đoàn Đức T, sinh năm: 2001; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phan Thị H, sinh năm: 1980; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- Người kháng cáo: Bà Phan Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Đoàn Đức T trình bày:** Cha tôi là ông Đoàn Văn T và mẹ tôi tên là Nguyễn Thị Kim L chung sống với nhau có 02 người con chung tên Đoàn Đức T (chết không có vợ con) và tôi Đoàn Đức T. Đến năm 2009 cha mẹ tôi ly hôn với nhau, sau khi ly hôn thì ông Đoàn Văn T có bán một diện tích đất được một số

tiền nhất định, cũng trong thời gian này thì cha tôi có giao cho em ruột tên là Đoàn Văn L số tiền 420.000.000đ để quản lý và nhằm tạo vốn cho ông L làm ăn. Đến tháng 8 năm 2020 thì ông T chết, đối với số tiền này thì ông T không để lại di chúc cho ai cả và ông L đang quản lý số tiền này nhưng không giao trả lại cho tôi là người thừa kế duy nhất của ông T. Sau khi ông T chết thì tôi có đến gặp ông L để yêu cầu trả lại số tiền trên nhưng ông L trả lời là trong thời gian ông T bệnh thì ông L đã trích một phần tiền để trị bệnh cho ông T và khi ông T chết thì tiếp tục trích một phần để lo hậu sự cho ông T nên số tiền hiện nay chỉ còn lại 175.669.000đ. Do đó tôi có yêu cầu áp hòa giải nhưng không thành, tại áp T thì ông L có ý kiến là yêu cầu tôi phải chia đôi số tiền 175.669.000đ với bà Phan Thị H do đó tôi không thống nhất.

Nay tôi đồng ý với ý kiến trình bày của ông Đoàn Văn L thừa nhận cha tôi chỉ đưa cho ông L số tiền 360.000.000đ không phải 420.000.000đ như ban đầu anh tôi trình bày. Do đó, tôi cũng thống nhất trừ đi các khoản chi phí mà ông Từ chi tổng cộng 184.331.000đ nên hiện tại số tiền ông Từ để lại là 175.669.000đ.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm anh T có yêu cầu:* Buộc ông Đoàn Văn L có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền còn lại là 175.669.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) vì đây là di sản thừa kế của cha tôi là ông Đoàn Văn T (đã chết) giao cho ông L cất giữ, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2020 (dương lịch) đến ngày xét xử là 33.324.774 đồng.

Anh T xin rút một yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 244.331.000đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm ba mươi một triệu đồng).

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì nguyên đơn không đồng ý vì bà H không phải là hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn ông Đoàn Văn L trình bày:** Ông Đoàn Văn Th là anh trai của tôi, khi anh T bán đất có gởi tôi số tiền là 360.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng), lý do ông T gởi tôi số tiền này là do ông T tin tưởng tôi đề phòng anh T có bệnh hoạn để tôi còn lấy số tiền này để lo chi phí thuốc men nếu anh T có tin tưởng con trai là Đoàn Đức Th thì anh T đã giao cho Th giữ số tiền này rồi. Đến tháng 6 năm 2019 thì anh T có bệnh phải nhập viện thì tôi đã lấy 1 phần số tiền này để lo thuốc men cho anh T, không may đến ngày 30/7/2019 anh T chết thì tôi có lấy số tiền còn lại lo ma chay cho anh T. Sau đó tôi tiếp tục làm nhà mồ cho anh T, đến thời điểm ngày 02/12/2020 tổng số tiền còn lại là 175.669.000đ, số tiền này tôi làm mồ cho cháu Đoàn Đức Th1 là anh trai của Đoàn Đức Th vì theo ý nguyện của anh T nhưng bà L và cháu Th không đồng ý và cản trở tôi làm nhà mồ cho Th1 nên tôi không làm nữa. Đối với số tiền còn lại này thì theo ý nguyện của anh T là sẽ chia cho vợ sau anh T tên là Phan Thị H, phần còn lại thì tôi đồng ý giao cho cháu Th. Đối với yêu cầu của Đoàn Đức Th buộc tôi trả số tiền 420.000.000đ thì tôi không đồng ý vì thật sự ông T chỉ giao cho tôi giữ số tiền là 360.000.000đ trong khi tôi đã lo chi phí thuốc men, ma chay, mồ mả cho anh T hết tổng cộng là 184.331.000đ nên chỉ còn là 175.669.000 đồng.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đoàn Văn L có yêu cầu:* Đồng ý với yêu cầu trả lại số tiền còn lại mà ông đang tạm giữ của ông T là 175.669.000đ (Một trăm bảy

mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) nhưng đề nghị cho anh Th $\frac{1}{2}$ số tiền trên, cho bà H $\frac{1}{2}$ số tiền trên vì bà H mặc dù chung sống với ông T không có đăng ký kết hôn nhưng có công sức chăm sóc ông T.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày:** Vào năm 2010 bà H và ông Đoàn Văn T chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn nhưng cha mẹ ông T đồng ý và có đến nhà gặp mặt để tổ chức bữa cơm ra mắt. Trước khi kết hôn với bà H thì ông T đã có kết hôn với bà Nguyễn Thị Kim L và có 02 người con chung tên Đoàn Đức Th1 (chết) và Đoàn Đức Th. Đến năm 2009 thì ông T và bà L ly hôn với nhau nên ông T kết hôn cùng bà H và không có con chung. Đến năm 2019 thì ông T bị bệnh và chết, trong thời gian chung sống cùng bà thì ông T có bán đất được số tiền, sau khi bán đất được thì ông T có gởi số tiền này cho em ruột là Đoàn Văn L giữ để lo tiền thuốc men cho ông T. Đến khi ông T bị bệnh thì ông L đã dùng số tiền này để lo chi phí thuốc men cho ông T nhưng do bệnh nặng nên đến tháng 7 năm 2019 thì ông T chết, và ông L cũng đã dùng số tiền này để làm ma chay và xây mộ cho ông T. Hiện nay số tiền của ông T chỉ còn là 175.669.000đ hiện do ông L đang giữ.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm bà H có yêu cầu như sau:* Yêu cầu được chia di sản thừa kế của ông Đoàn Văn T để lại với số tiền là 175.669.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) hiện nay do ông Đoàn Văn L đang giữ, bà yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ bằng số tiền là 87.834.500đ (Tám mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

1. Buộc ông Đoàn Văn L có nghĩa vụ trả cho anh Đoàn Đức Th là số tiền di sản thừa kế gốc là 175.669.000 đồng, tiền lãi là 33.324.774 đồng, tổng cộng là 208.993.774 đồng (hai trăm lẻ tám triệu chín trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền 175.669.000 đồng là di sản thừa kế của ông Đoàn Văn T để lại.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đoàn Đức Th đối với số tiền là 244.331.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 21/9/2022 bà Phan Thị H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung:

Đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chia cho bà được hưởng 50% phần di sản thừa kế của ông Đoàn Văn T.

Tại phiên Tòa: bà Phan Thị H được hưởng một phần di sản thừa kế của ông Đoàn Văn T do bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2010 bà có công chăm sóc ông T trong suốt quá trình chung sống. Nên về lẽ công bằng bà phải được hưởng một phần di sản của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là dành cho bà H được hưởng một phần di sản thừa kế của ông T do bà H có công chăm sóc ông T trong suốt quá trình chung sống từ năm 2010 đến khi ông T bệnh mất vào năm 2019.

Về phần lỗi suất bản án sơ thẩm buộc ông L trả lãi là không đúng quy định. Tuy nhiên ông L không kháng cáo nên không xem xét tại phiên Tòa phúc thẩm, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Đoàn Đức Th yêu cầu **“Đòi di sản thừa kế”** ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H có yêu cầu độc lập **“Chia di sản thừa kế”**. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật **“Đòi di sản thừa kế và chia di sản thừa kế”** là phù hợp với quy định pháp luật.

[1.2] Sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Đoàn Đức Th, bị đơn ông Đoàn Văn L đã được tòa triệu tập hợp lệ hai lần, không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét yêu cầu của các bên đương sự:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Đức Th: **“Đòi di sản thừa kế do cha ông là ông Đoàn Văn T chết để lại”**.

Xét thấy Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Đoàn Đức Th là có căn cứ: vì trong quá trình giải quyết vụ án và chứng cứ có tại hồ sơ các đương sự đều xác nhận số tiền 175.669.000đồng là di sản của ông Đoàn Văn T chết để lại, trước khi chết thì ông T không có để lại di chúc cho người nào được nhận nên

di sản trên phải chia theo quy định của pháp luật. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hàng thừa kế: Anh Th là con hợp pháp của ông Đoàn Văn T, ngoài anh Th thì ông Từ không có người con nào khác, cha mẹ của ông T cũng đã mất, mặc khác từ khi ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L, ông T không có kết hôn với người nào khác, nên anh Th là hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất để nhận di sản này. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H yêu cho bà được hưởng 50% phần di sản thừa kế của ông Đoàn Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Phan Thị H và ông Đoàn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 không đăng ký kết hôn nên bà không phải là vợ hợp pháp của ông T, vì theo Luật hôn nhân gia đình, quan hệ vợ chồng là hợp pháp phải được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền do đó bà H không thuộc hàng thừa kế để yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T. Nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H là có căn cứ. Tuy nhiên tòa cấp sơ thẩm không xem xét đến công sức chăm sóc ông T để dành một phần tài sản cho bà H hưởng. Theo tinh thần Điều 644 Bộ luật dân sự 2015 là không đảm bảo quyền lợi cho bà H.

Tại phiên Tòa phúc thẩm hôm nay bà H kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, nhưng bà H không đưa ra một căn cứ, chứng lý nào khác để bảo vệ cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H.

Do vậy qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

[4]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bên phải chịu án phí theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị H được trả lại án phí với yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng số 0009662 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 92; khoản 3 Điều 144; 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166, 466, 612, 613, 614, 644, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Phan Thị H.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

1. Buộc ông Đoàn Văn L có nghĩa vụ trả cho anh Đoàn Đức Th là số tiền di sản thừa kế gốc là 125.669.000 đồng, tiền lãi là 33.324.774 đồng, tổng cộng là 158.993.774đ (*Một trăm năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng*).

Buộc ông Đoàn Văn L giao cho bà Phan Thị H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đoàn Đức Th đối với số tiền là 244.331.000 đồng.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đoàn Văn L phải chịu án phí số tiền là 10.449.688,7đ (*Mười triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi tám phẩy bảy đồng*).

Bà Phan Thị H phải chịu án phí trên số tiền bị bác $37.834.500 \text{ đồng} \times 5\% = 1.891.725 \text{ đồng}$, nhưng bà H được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 2.200.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001609, ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang, bà H được hoàn trả lại số tiền là 308.275 đồng.

Hoàn trả lại cho anh Đoàn Đức Th số tiền án phí đã nộp tổng cộng số tiền là 10.700.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006768, ngày 13 tháng 11 năm 2020 và số 0001189, ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị H được trả lại án phí với yêu cầu kháng cáo được chấp nhận là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng số 0009662 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn